

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÔNG CỐNG
TỈNH THANH HÓA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 32/2018/HNGĐ - ST

Ngày: 17/8/2018

V/v Ly hôn và nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Lợi
2. Ông Nguyễn Ngọc Tiến

Thư ký phiên tòa: Bà Doãn Phương Liên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Anh Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 17/8/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 64/2018/TLST - HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2018 về việc “Ly hôn và nuôi con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2018/QĐXXST-DS ngày 01/8/2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đới Thị M, sinh năm 1981 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Kỳ, xã C, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

- *Bị đơn:* Anh Tô Đức T, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn L, xã C, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện nộp ngày 26/3/2018 và quá tình giải quyết, xét xử, nguyên đơn chị Đới Thị M trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh Tô Đức T xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, tổ chức cưới có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã C, huyện N, tỉnh Thanh Hóa ngày 15/01/2001. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 5/2012 mâu thuẫn phát sinh. Nguyên nhân do anh T

thường xuyên rượu chè, không có trách nhiệm với gia đình, vợ con. Anh T đã 2 lần phải đi điều trị tại bệnh viện lao cũng chỉ vì uống rượu, chị cùng gia đình đã khuyên ngăn nhưng không được. Gia đình anh T có điều kiện, khi vào trong miền Nam có anh trai nuôi; khi về nhà có bố, mẹ lo. Hiện nay anh T đã khỏi bệnh nhưng không chịu đi làm. Tháng 6/2013 vợ chồng sống ly thân đến nay. Tuy vợ chồng ly thân nhưng mỗi lần anh T điều trị tại bệnh viện, chị vẫn đi chăm. Hiện chị không có thai nghén. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn anh T.

Về con: Chị M và anh T có 2 con chung Tô Quang T1, sinh ngày 21/01/2002 và Tô Thảo N1, sinh ngày 04/11/2011 đang ở với chị. Nguyên vọng của chị xin được nuôi 2 con, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ/2 cháu (mỗi cháu 1.000.000đ/tháng) kể từ tháng 8/2018 đến khi con thành niên và có khả năng lao động. Tại phiên tòa chị M rút yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về phía anh Tô Đức T: Đã nhận được thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập của Tòa án nhưng anh không đến để làm việc. Ngày 06/8/2018 tại UBND xã C, huyện N anh tự khai như sau:

Anh và chị M xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, được 2 bên gia đình đồng ý, tổ chức cưới có đăng ký kết hôn tại UBND. xã C, huyện N, tỉnh Thanh Hóa tháng 01 năm 2001. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc. Năm 2012 mâu thuẫn phát sinh. Nguyên nhân do tính tình không hợp, điều kiện kinh tế khó khăn do anh ốm đau dài ngày. Vợ chồng ly thân từ năm 2014 đến nay. Nguyên vọng của anh muốn đoàn tụ để nuôi con ăn học, nếu chị M cương quyết xin ly hôn anh cũng chấp nhận và anh có nguyện vọng xin được xét xử vắng mặt.

Về con chung: Anh T thống nhất như chị M trình bày, 2 cháu ở với chị M từ khi vợ chồng ly thân, thi thoảng các cháu vẫn qua lại thăm anh. Anh vẫn có trách nhiệm với các con. Hiện tại anh đang ốm nên anh đồng ý để chị M nuôi 2 con.

Về tài sản và nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS). Đối với đương sự chị M thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71. Đối với anh T chấp hành không đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật trong quá trình xây dựng hồ sơ và không có mặt tại phiên tòa nhưng anh có nguyện vọng xin được xét xử vắng mặt. Vì vậy, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh theo khoản 1 Điều 228 BLTTDS.

+ Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị Minh được ly hôn anh T; giao 2 con cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận ý kiến của chị M tại phiên tòa là không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Chị M chịu án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, nhiều lần Tòa án triệu tập anh T đến làm việc nhưng anh không đến. Ngày 06/8/2018 Tòa án về UBND. xã C làm việc, anh T mới nộp bản tự khai và thể hiện nguyện vọng xin được xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt anh theo khoản 1 Điều 228 BLTTDS.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân giữa chị Đới Thị M và anh Tô Đức T có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm lối sống của 2 người không hợp, anh T bị bệnh dài ngày nhưng vẫn không bỏ rượu nên thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng sống ly thân nhiều năm, không ai quan tâm đến ai. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị M và anh T mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt, mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hoà thuận, hạnh phúc không đạt được. Nay chị M xin được ly hôn, về phía anh T cũng đồng ý. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Con chung: Chị M và anh T có 2 con chung là Tô Quang T1, sinh ngày 21/01/2002 và Tô Thảo N1, sinh ngày 04/11/2011 khỏe mạnh, phát triển bình thường, hiện đang ở với chị M. Nguyện vọng chị xin được nuôi 2 con. Về phía anh T đồng ý giao 2 con cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Hai con cũng có nguyện vọng xin được ở với chị. HĐXX xét thấy nguyện vọng của anh, chị phù hợp với thực tế nên chấp nhận. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, tại phiên tòa chị rút yêu cầu xét thấy phù hợp với thực tế tình trạng anh T hiện nay nên chấp nhận.

[2.3] Tài sản và nợ chung: Chị M và anh T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét.

[3] Về án phí: Chị Đới Thị M khởi kiện vụ án xin ly hôn nên phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều: 56, 57, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 BLTTDS; điểm a

khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQ14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành kèm theo nghị quyết; tuyên xử:

[1] Về hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu, chị Đới Thị M được ly hôn anh Tô Đức T.

[2] Về con chung: Giao chị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Tô Quang T1, sinh ngày 21/01/2002 và Tô Thảo N1, sinh ngày 04/11/2011. Anh T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[3] Về án phí: Chị Đới Thị M phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống theo biên lai thu số AA/2015/0006612 ngày 30/3/2018. Chấp nhận chị M đã nộp đủ.

Quyền kháng cáo: Chị M được quyền kháng cáo bản sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh T được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niên yết bản án.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKS huyện Nông Cống;
- TAND Tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- UBND. xã C, huyện N;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Thị Huệ